

HƯỚNG DẪN
TỔ CHỨC HỘI NGHỊ CÁN BỘ, VIÊN CHỨC
VÀ HỘI NGHỊ TỔNG KẾT NĂM HỌC TẠI CÁC ĐƠN VỊ
THÀNH VIÊN, CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 09/1998/TTLT- TCCP- TLĐ ngày 04/12/1998 của Ban Tổ chức Cán bộ Chính phủ (nay là Bộ Nội vụ) và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hướng dẫn về tổ chức và nội dung Hội nghị cán bộ, công chức trong cơ quan;

Căn cứ kết quả thực hiện Văn bản số 2027/HD- ĐHQGHN ngày 7/7/2010 của Giám đốc và Chủ tịch Công đoàn Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) hướng dẫn tổ chức Hội nghị Cán bộ Viên chức (CBVC);

Để việc tổ chức Hội nghị CBVC và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở đi vào nền nếp, thiết thực và có hiệu quả, ĐHQGHN hướng dẫn nội dung, các bước tiến hành Hội nghị ở các đơn vị như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Mục đích, yêu cầu của Hội nghị

1.1.1. Mục đích: Tạo sự đồng thuận, phát huy dân chủ, tính năng động, sáng tạo của CBVC, từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của CBVC, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả mọi hoạt động, quyết tâm thực hiện tốt Kế hoạch nhiệm vụ năm học.

1.1.2. Yêu cầu: Kết hợp tổ chức Hội nghị CBVC với Hội nghị Tổng kết năm học.

1.2. Trách nhiệm tổ chức Hội nghị: Dưới sự chỉ đạo của cấp ủy, thủ trưởng đơn vị phối hợp với Ban chấp hành công đoàn cùng cấp chịu trách nhiệm về nội dung, chương trình của Hội nghị của đơn vị mình.

1.3. Thời gian tổ chức Hội nghị: thường kỳ mỗi năm một lần, sau khi kết thúc năm học và trước ngày 5 tháng 9 hàng năm.

Để chuẩn bị cho việc xây dựng Kế hoạch nhiệm vụ năm học của đơn vị phù hợp với Kế hoạch nhiệm vụ năm học chung của ĐHQGHN, ĐHQGHN thông báo các mốc thời gian cho các công việc như sau:

- Trước ngày 30 tháng 6: ĐHQGHN thông báo dự thảo kế hoạch nhiệm vụ năm học mới;

- Trước ngày 9 tháng 7: Đơn vị nộp dự thảo Báo cáo tổng kết và Kế hoạch nhiệm vụ năm học mới;

- Trước ngày 20 tháng 8: ĐHQGHN ban hành Kế hoạch nhiệm vụ năm học mới;

- Ngày 5 tháng 9: Hạn cuối cùng các đơn vị tổ chức Hội nghị.

1.4. Hình thức tổ chức Hội nghị

1.4.1. Hội nghị thường kỳ: Được tổ chức mỗi năm một lần, sau khi kết thúc năm học

- *Hội nghị toàn thể:* Nếu đơn vị có tổng số CBVC dưới 200 người.

- *Hội nghị đại biểu:* Nếu đơn vị có tổng số CBVC trên 200 người.

1.4.2. Hội nghị bất thường: Được tổ chức khi có ít nhất 2/3 tổng số CBVC hoặc Ban chấp hành công đoàn hoặc thủ trưởng đơn vị yêu cầu

- *Hội nghị toàn thể:* Nếu đơn vị có tổng số CBVC dưới 200 người.

- *Hội nghị đại biểu:* Nếu đơn vị có tổng số CBVC trên 200 người.

1.5. Thành phần dự Hội nghị

1.5.1. Hội nghị toàn thể: Thành phần tham dự là tất cả CBVC, lao động hợp đồng theo Nghị định 68/NĐ-CP, lao động hợp đồng do Thủ trưởng đơn vị ký có đóng bảo hiểm xã hội từ 12 tháng trở lên.

1.5.2. Hội nghị đại biểu: Số lượng, thành phần đại biểu dự Hội nghị do thủ trưởng đơn vị phối hợp với Chủ tịch Công đoàn đơn vị quyết định. Các đại biểu dự Hội nghị phải được bầu từ cấp cơ sở, là những người không thuộc diện CBVC đang trong thời gian chịu kỷ luật từ khiển trách trở lên và phải đạt được 50% số đại biểu dự Hội nghị bầu và theo nguyên tắc lấy từ người có số phiếu cao nhất cho đến khi đủ số lượng đại biểu được phân bổ cho đơn vị.

1.5.3. Đại biểu mời của Hội nghị gồm:

- Ban Giám đốc, Ban Thường vụ Công đoàn ĐHQGHN.

- Đại diện lãnh đạo Văn phòng và các ban chức năng của ĐHQGHN.

1.6. Hội nghị của đơn vị được tổ chức hợp lệ khi có ít nhất 2/3 tổng số CBVC của đơn vị hoặc 2/3 số đại biểu triệu tập có mặt dự Hội nghị.

Nghị quyết, quyết định của Hội nghị có giá trị khi trên 50% số người dự Hội nghị tán thành.

1.7. Chủ trì Hội nghị gồm: Thủ trưởng đơn vị; Bí thư cấp ủy; Chủ tịch Công đoàn cơ sở (Thành phần đương nhiên); Thư ký Hội nghị (2 người). Trường hợp bí thư

cấp ủy kiêm thủ trưởng, đơn vị có thể cơ cấu 1 đại biểu đại diện cho CBVC (Xin ý kiến của Hội nghị về đại biểu được giới thiệu).

II. NỘI DUNG CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH HỘI NGHỊ

2.1. Công tác chuẩn bị

2.1.1. Hội nghị trù bị: Do thủ trưởng đơn vị triệu tập.

- Thành phần Hội nghị gồm: Thủ trưởng; Bí thư Đảng ủy (hay Bí thư Chi bộ); Chủ tịch Công đoàn. Tùy tình hình thực tế, thành phần dự Hội nghị có thể mời thêm lãnh đạo một số phòng ban là tham mưu của thủ trưởng.

- Nội dung: thống nhất chủ trương, thông qua kế hoạch, mục tiêu, nội dung Hội nghị, quyết định số lượng đại biểu và phân bổ đại biểu cho các đơn vị cơ sở, phân công nhiệm vụ chuẩn bị.

2.1.2. Thủ trưởng đơn vị chuẩn bị

- Báo cáo tổng kết kết quả thực hiện nhiệm vụ của đơn vị, cần bám sát vào nhiệm vụ chính trị, kế hoạch chiến lược phát triển, kế hoạch nhiệm vụ năm học của đơn vị và của ĐHQGHN, vào Nghị quyết của Hội nghị năm học trước để đánh giá đúng thành tích đạt được, những mặt tồn tại, yếu kém cần khắc phục; cần phân tích rõ nguyên nhân, trách nhiệm của cá nhân, bộ phận... và những bài học kinh nghiệm;

- Xây dựng kế hoạch nhiệm vụ năm học mới và biện pháp thực hiện theo tiếp cận sản phẩm đầu ra;

- Báo cáo hoạt động tài chính của đơn vị trong năm trước và năm tổ chức Hội nghị (tính từ đầu năm đến thời điểm tổ chức Hội nghị) theo biểu mẫu số 1 và số 2 kèm theo;

- Dự thảo Quy chế Chi tiêu nội bộ (nếu xây dựng mới hoặc sửa đổi, bổ sung);

- Các điều kiện cơ sở vật chất (phòng họp, trang thiết bị, trang trí theo mẫu tại phụ lục đính kèm...) cho Hội nghị.

2.1.3. Ban chấp hành công đoàn cơ sở chuẩn bị

- Báo cáo tổng kết phong trào thi đua của đơn vị trong năm học, phát động phong trào thi đua năm học mới;

- Chỉ đạo Ban Thanh tra nhân dân kiểm tra việc thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị, chuẩn bị báo cáo hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân trong năm cũ, phương hướng nhiệm vụ năm mới; tham gia góp ý, thẩm định các báo cáo;

- Dự kiến nhân sự Ban Thanh tra nhân dân mới khi Ban Thanh tra cũ hết nhiệm kỳ. Tiêu chuẩn thành viên Ban Thanh tra nhân dân theo Luật Thanh tra và Nghị định 99/2005/NĐ-CP ngày 28/7/2005 của Chính phủ. Nhiệm kỳ Ban Thanh tra nhân dân là 2 năm;

- Tổng hợp kết quả Hội nghị cấp dưới trực thuộc (nếu có).

2.1.4. Ban Thanh tra nhân dân

- Chuẩn bị báo cáo hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Thủ trưởng đơn vị giao.

2.2. Sau khi hoàn chỉnh báo cáo, thủ trưởng đơn vị gửi cho Giám đốc, Chủ tịch Công đoàn ĐHQGHN cùng giấy mời dự Hội nghị (trước 10 ngày tổ chức Hội nghị).

2.3. Xác định ngày tổ chức Hội nghị

Thủ trưởng đơn vị trao đổi, thống nhất với ĐHQGHN (qua Ban Tổ chức Cán bộ) ngày tổ chức Hội nghị của đơn vị. Hàng năm, Ban Tổ chức Cán bộ lập kế hoạch tổ chức Hội nghị của các đơn vị trong ĐHQGHN, báo cáo Giám đốc ĐHQGHN để phân công lãnh đạo ĐHQGHN theo dõi, chỉ đạo và tham dự Hội nghị của đơn vị.

2.4. Chương trình Hội nghị

2.4.1. Ban tổ chức Hội nghị

- Tuyên bố lý do;
- Giới thiệu đại biểu;
- Báo cáo thành phần, số lượng CBVC (Hội nghị toàn thể), nếu Hội nghị đại biểu thì phải báo cáo thẩm tra tư cách theo tiêu chuẩn chọn cử đại biểu do Ban Tổ chức Hội nghị đại biểu chuẩn bị;
- Báo cáo dự kiến 1 đại biểu đại diện cho CBVC (trong trường hợp bí thư cấp ủy kiêm thủ trưởng) tham gia Chủ tịch đoàn để Hội nghị cho ý kiến và thông qua;
- Giới thiệu và mời Chủ tịch đoàn, Thư ký lên làm việc.

2.4.2. Chủ trì Hội nghị thông qua nội dung, thời gian, chương trình và điều kiện Hội nghị

- Thủ trưởng đơn vị báo cáo tổng kết kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học trước, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị năm học trước; Trình bày Kế hoạch nhiệm vụ năm học mới và các giải pháp thực hiện; Báo cáo hoạt động tài chính, chú ý đến các giải pháp tăng thu nhập cán bộ; Đề xuất bình chọn những thành tựu và sự kiện tiêu biểu, nổi bật của đơn vị và Đại học Quốc gia Hà Nội trong năm học.

- Chủ tịch Công đoàn báo cáo kết quả Hội nghị ở các đơn vị trực thuộc và tổng hợp các ý kiến, kiến nghị (nếu có) của CBVC các đơn vị để thủ trưởng trả lời trước Hội nghị;

- Thảo luận góp ý Kế hoạch nhiệm vụ năm học của ĐHQGHN và đề xuất phương án triển khai hiệu quả nhiệm vụ năm học;

- Trình bày và thông qua Quy chế chi tiêu nội bộ;
- Báo cáo hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân;
- Hội nghị thảo luận;
- Chủ tịch đoàn tóm tắt các ý kiến; trả lời các kiến nghị đề xuất của CBVC và hướng giải quyết các kiến nghị đó;
- Bầu Ban Thanh tra nhân dân (nếu có);
- Chủ tịch công đoàn tổng kết và phát động phong trào thi đua trong năm học;
- Phát biểu của lãnh đạo cấp trên dự Hội nghị;
- Thông qua Nghị quyết Hội nghị;
- Bế mạc Hội nghị.

III. NHỮNG NỘI DUNG CẦN LÀM SAU HỘI NGHỊ

3.1. Thông tin báo cáo

Các đơn vị gửi báo cáo về ĐHQGHN để tổng hợp, chậm nhất là 15 ngày sau khi Hội nghị kết thúc theo hai hình thức: bản giấy và bản điện tử đọc được trên MSWord, Excel theo địa chỉ: Văn phòng ĐHQGHN, email: vanphong@vnu.edu.vn. Nội dung báo cáo gồm: trích biên bản, báo cáo tóm tắt về nội dung và quá trình tổ chức Hội nghị; Nghị quyết Hội nghị; Kế hoạch nhiệm vụ năm học (đã điều chỉnh theo Kế hoạch Nhiệm vụ của ĐHQGHN); Kết quả đăng ký thi đua của chính quyền, đoàn thể; Báo cáo do thủ trưởng đơn vị và Báo cáo do Chủ tịch Công đoàn cơ sở chuẩn bị.

3.2. Tổ chức thực hiện

3.2.1. Chủ tịch đoàn và Thư ký Hội nghị có trách nhiệm hoàn chỉnh Nghị quyết Hội nghị.

3.2.2. Trách nhiệm của phòng, ban, khoa, đơn vị trực thuộc...: Tổ chức thực hiện chương trình, Nghị quyết của Hội nghị tại đơn vị mình, đồng thời thường xuyên thông báo quá trình triển khai cho Thủ trưởng đơn vị và Chủ tịch Công đoàn để chỉ đạo giải quyết.

3.2.3. Trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị

- Chỉ đạo, kiểm tra các phòng, ban, khoa, đơn vị (tổ chức) trực thuộc... thực hiện chương trình mà Nghị quyết Hội nghị đề ra, đồng thời giải quyết kịp thời các phát sinh sau Hội nghị;

- Tạo điều kiện để Ban Thanh tra nhân dân của đơn vị hoạt động theo Luật Thanh tra và Nghị định 99/2005/NĐ-CP ngày 28/7/2005 của Chính phủ;

- Cùng Ban chấp hành công đoàn xây dựng kế hoạch tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết của Hội nghị và thực hiện Quy chế dân chủ trong hoạt động của đơn vị.

3.2.4. Trách nhiệm của Ban chấp hành công đoàn

- Cùng với thủ trưởng đơn vị đôn đốc, kiểm tra và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện Nghị quyết của Hội nghị;

- Quyết định công nhận và chỉ đạo hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân theo quy định của Luật Thanh tra;

- Tổ chức triển khai các đợt thi đua thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị mà Nghị quyết Hội nghị đã đề ra.

3.2.5. Trách nhiệm của ĐHQGHN: Giám đốc và Chủ tịch Công đoàn ĐHQGHN có trách nhiệm hướng dẫn, chỉ đạo và kiểm tra các đơn vị trực thuộc, tổ chức Hội nghị hàng năm theo pháp luật và các qui định hiện hành.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Văn bản này thay thế văn bản số 2027/HD- ĐHQGHN ngày 7 tháng 7 năm 2010 và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Các đơn vị trực thuộc ĐHQGHN có trách nhiệm tổ chức Hội nghị theo hướng dẫn tại văn bản này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về ĐHQGHN để kịp thời chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp.

Đại học Quốc gia Hà Nội gửi kèm theo văn bản này Dự thảo Kế hoạch Nhiệm vụ năm học 20...../20.....đã được Hội đồng Đại học Quốc gia Hà Nội thông qua nhiệm vụ trọng tâm và các chỉ tiêu chủ yếu. Đề nghị các đơn vị hoàn thiện Kế hoạch Nhiệm vụ năm học của đơn vị căn cứ theo dự thảo trên./.

CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC THƯỜNG TRỰC**

(đã ký)

(đã ký)

PGS.TS. Đinh Văn Hường

PGS.TS. Phùng Xuân Nhạ

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (để báo cáo);
- Các đơn vị trực thuộc;
- Các ban chức năng;
- Lưu: VT, TCCB, CĐ, P50.

Phụ lục kèm theo văn bản số.....

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TÊN ĐƠN VỊ.....**

**HỘI NGHỊ CÁN BỘ, VIÊN CHỨC
NĂM HỌC.....**

Hà Nội, Ngày tháng năm

Hà Nội, ngày tháng năm 2012

Dĩ thảo

KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2012 - 2013

I. CĂN CỨ VÀ BỐI CẢNH XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1.1. Căn cứ xây dựng

1.1.1. Chiến lược phát triển dài hạn Quốc gia Hà Nội năm 2020, tầm nhìn 2030 và Chiến lược dài hạn Quốc gia Hà Nội trung qua.

1.1.2. Kế hoạch 5 năm phát triển dài hạn Quốc gia Hà Nội giai đoạn 2011-2015 và Chiến lược dài hạn Quốc gia Hà Nội trung qua.

1.1.3. Kế hoạch nhiệm vụ của dài hạn Quốc gia Hà Nội năm học 2011-2012 và kết quả thực hiện.

1.1.4. Tổng hợp và nhu cầu thực tế của đất nước, cũng như sự phát triển của dài hạn Quốc gia Hà Nội.

1.2. Dự báo bối cảnh xây dựng kế hoạch

1.2.1. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết dài hạn Hội đồng toàn quốc lần thứ XI, trong đó chú trọng ba khâu phát triển phổ biến toàn quốc nhìn lâu dài trong đó có sự phát triển dài hạn cho dài hạn Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) trong đó có sự phát triển nhìn lâu dài nhìn cao; nghiên cứu các cơ sở khoa học và tham gia thực hiện các nhiệm vụ của đất nước (Biên giới khó khăn, miền Tây Nam bộ, Biên cương, Tây Bắc).

1.2.2. Hệ thống giáo dục dài hạn Việt Nam đang từng bước được dài hạn mới, các biệt lập dài hạn mới trong quần thể dài hạn nhóm nông cao chất lượng toàn quốc và hiệu quả nghiên cứu khoa học. Nhu cầu và nguồn nhìn lâu dài chất lượng cao và các cơ sở phân nghiên cứu phân cao tầng mạnh. Điều này sẽ tạo cơ hội thúc đẩy mạnh mẽ sự sống toàn quốc và dài hạn mới trong quần thể, toàn quốc và nghiên cứu khoa học và cộng đồng (NCKH&CN) tại ĐHQGHN cũng như các hội đồng nghiên cứu ngành công nghệ cao của xã hội và nền kinh tế dài hạn và nguồn nhìn lâu dài chất lượng cao cũng như phân nhóm NCKH&CN có tính ứng dụng thực tiễn cao.

1.2.3. Các chủ liên tục, liên kết và sự đóng góp của nguồn lực chung trong ĐHQGHN gia tăng mạnh và sự tiếp tục phát huy trong năm tới. Các phân và trong toàn ĐHQGHN có nhận thấy lợi ích và tính hiệu quả của việc khai

thúc c^o ch^o li^on th^ung, li^on k^ot v^o c^oc ngu^on l^oc chung. ^oo^o ^oo^oc xem l^o t^on hi^ou t^ot ^oo tri^on khai c^oc nhi^om v^o l^on, c^o t^on li^on ng^onh trong ^oHQGHN.

1.2.4. M^oc d^u ^oo c^o nh^ong d^ou hi^ou t^och c^oc, song t^on h^onh kinh t^o - x^o h^oi c^oa Vi^ot Nam ti^op t^oc ph^oi ^oo i m^ot v^oi nh^ong kh^u kh^on, th^och th^oc v^o l^om ph^ot, ^on ^oo^onh kinh t^o v^o m^u v^o an sinh x^o h^oi. Ch^on^h s^och th^ot ch^ot ti^on t^o v^o c^ot gi^om ^oo u t^o c^ung s^o ti^op t^oc ^oo^oc ^oo d^ong nh^om ^on ^oo^onh kinh t^o v^o m^u. ^oi^ou n^oy ^onh h^oo^ong kh^ung nh^o ^oo^on c^oc ho^ot ^oo^ong c^oa ^oHQGHN c^o s^o d^ong kinh ph^ot t^o ngu^on ng^on s^och nh^o n^oo^oc, ^oo^oc bi^ot l^o c^oc d^o ^oo^ou t^o x^oy d^ong c^o b^on.

1.2.5. C^o ch^o ho^ot ^oo^ong cho c^oc ^oo^on v^o s^o nghi^op c^ung l^op s^o c^u s^o thay ^oo i th^ung qua th^oc hi^on "^oo^o ^oo^o ^oo i m^oi c^o ch^o ho^ot ^oo^ong c^oa c^oc ^oo^on v^o s^o nghi^op c^ung l^op, ^oo^oy m^onh x^o h^oi h^ua m^ot s^o lo^oi h^onh d^och v^o s^o nghi^op c^ung". Tuy nhi^on, nh^ong thay ^oo i ^oo^oc bi^ot li^on quan ^oo^on c^o ch^o t^oi ch^on^h, con ng^oo^oi v^o ^oo^ou t^o s^o ch^oa c^u nhi^ou ^oo^ot bi^on.

1.2.6. M^oc d^u ti^op t^oc ^oo^oc ^ou t^on ^oo^ou t^o, song ^oHQGHN v^on ti^op t^oc g^op kh^u kh^on v^o c^oc ngu^on l^oc cho ph^ot tri^on, ^oo^oc bi^ot v^o c^o s^o v^ot ch^ot c^un nhi^ou h^on ch^o v^o ch^oa th^o c^u ^oo^ot ph^o.

II. CÁC NHI^oM V^o TR^oNG T^oM H^oC 2011-2012

^oHQGHN ti^op t^oc ^oo i m^oi, s^ong t^oo, ph^ot huy m^oi ngu^on l^oc ^oo nhanh ch^ung n^ong cao ch^ot l^oo^ong v^o hi^ou qu^o ^oo^o t^oo, NCKH&CN, ph^ot tri^on ^oHQGHN ti^on t^oi ^oo^ot chu^on c^oc ^oo i h^oc t^on ti^on trong khu v^uc ^ou^ong Nam ^o, trong ^oú m^ot s^o l^onh v^uc, ng^onh, chuy^on ng^onh khoa h^oc c^o b^on, c^ung ngh^o cao v^o kinh t^o - x^o h^oi m^oi nh^on, m^ot s^o b^o m^un, khoa ^oo^ot chu^on qu^oc t^o v^oi c^oc nhi^om v^o ^oo^ot ph^o sau ^oo^oy:

1. Ti^op t^oc n^ong cao ch^ot l^oo^ong, hi^ou qu^o ^oo^o t^oo, NCKH&CN v^o ph^oc v^o ^oo^ong ^ong y^ou c^ou ph^ot tri^on kinh t^o - x^o h^oi c^oa ^oo^ot n^oo^oc v^o th^o ^ou H^o N^oi:

i) Tri^on khai NVCL theo c^oc ^oo^o ^oo^o ^oo^oc ph^or duy^ot, t^och h^op v^oi c^oc ch^oo^ong tr^on^h, ^oo^o ^oo^o, d^o ^oo^o kh^oc.

ii) Ho^on thi^on v^o c^ung b^o chu^on ^oo^ou ra, ph^oo^ong ph^op ^oo^o t^oo theo h^oo^ong ph^ot tri^on ph^om ch^ot ^oo^o ^oo^oc, t^om nh^on, n^ong l^oc v^o k^o n^ong, t^oo ^oi^ou ki^on ph^ot huy s^ong t^oo. T^ong c^oo^ong c^ung t^oc bi^on s^on gi^oo tr^on^h ch^ot l^oo^ong cao g^up ph^on ho^on thi^on b^o gi^oo tr^on^h c^oc m^un h^oc.

iii) T^ong s^o s^och chuy^on kh^oo; s^o b^ong s^ong ch^o, gi^oi ph^op h^uu ^och, s^on ph^om khoa h^oc v^o c^ung ngh^o (KH&CN) qu^oc gia đ^uc thừa nh^on đ^ua vào s^ur đ^ung; s^o c^ung tr^on^h khoa h^oc trong c^oc t^op ch^o thu^oc h^o th^ong qu^oc t^o ISI v^o SCOPUS^o v^o s^o l^on tr^och d^on/b^oi b^oo; s^o gi^oi th^oo^ong qu^oc gia, qu^oc

t□ v□ KH&CN. T□t c□ k□t qu□ v□ ho□t □□ng KHCN □□□c th□ hi□n theo chu□n Dspace.

iv) Ph□t tri□n m□t s□ nh□m nghi□n c□u m□nh v□ trung t□m nghi□n c□u xu□t s□c.

v) M□ r□ng, n□ng cao hi□u qu□ m□t s□ ch□□ng tr□nh h□p t□c v□i c□c □□a ph□□ng, doanh nghi□p v□ vi□n nghi□n c□u.

2. X□y d□ng v□ ph□t tri□n □□i ng□ gi□ng vi□n (□□c bi□t □□i ng□ cú h□c v□ Ti□n s□ tr□ l□n v□ cú kh□ n□ng gi□ng d□y chuy□n m□n b□ng ti□ng Anh) v□ c□n b□ qu□n lý t□ng b□□c □□t chu□n qu□c t□.

3. Ti□p t□c □□i m□i qu□n tr□ □□i h□c: ỏp d□ng s□u r□ng c□ch ti□p c□n theo ch□t l□□ng, s□ l□□ng v□ hi□u qu□ s□n ph□m □□u ra (khung logic, ph□□ng ph□p 80/20 ...); qu□n tr□ ngu□n nh□n l□c t□n ti□n; x□y d□ng v□ s□ d□ng hi□u qu□ c□ng th□ng tin □i□n t□ v□ ti□p t□c c□i c□ch h□nh ch□nh; ph□t tri□n h□ th□ng th□ng tin theo t□u ch□ x□p h□ng □□i h□c; NCKH v□i t□m cao m□i, ph□t tri□n n□ng l□c, t□m nh□n v□ ph□t huy s□ng t□o, □□c bi□t c□c ho□t □□ng nghi□n c□u □ng d□ng ph□i xu□t ph□t t□ y□u c□u c□a x□ h□i v□ c□c s□n ph□m ph□i cú □□a ch□ ỏp d□ng th□c t□. Ti□p t□c th□c hi□n t□t cu□c v□n □□ng □H□c t□p v□ l□m theo t□m g□□ng □□o □□c H□ Ch□ Minh□, thi □ua y□u n□□c v□ c□c cu□c v□n □□ng kh□c c□a ng□nh GD&□T, x□y d□ng v□n h□a ch□t l□□ng, ph□t tri□n tinh th□n c□ng □□ng v□ th□□ng hi□u □HQGHN.

4. T□ng ngu□n l□c t□i ch□nh, ph□t tri□n, n□ng c□p v□ m□ r□ng c□ s□ v□t ch□t (ph□ng h□c, th□ vi□n v□ t□i nguy□n s□ □□p □ng y□u c□u ki□m □□nh ch□□ng tr□nh □□o t□o c□a khu v□c, B□ Gi□o d□c v□ □□o t□o (GD&□T) v□ □□i h□c Qu□c gia H□ N□i (□HQGHN), ph□ng th□ nghi□m, c□ s□ h□ t□ng c□ng ngh□ th□ng tin - truy□n th□ng, c□ s□ h□c li□u v□ c□c □i□u ki□n kh□c □□m b□o ch□t l□□ng), n□ng cao □□i s□ng v□t ch□t v□ tinh th□n c□a c□n b□.

5. Ph□i h□p v□i B□ X□y d□ng □□y nhanh ti□n □□ x□y d□ng □HQGHN t□i H□a L□c.

III. CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2012-2013

3.1. Đào tạo

3.1.1. N□ng cao ch□t l□□ng

i) **100%** ng□□i h□c □□t □□□c c□c chu□n □□u ra khi t□t nghi□p: ph□m ch□t □□o □□c t□t, cú n□ng l□c, ki□n th□c, th□i □□ v□ k□ n□ng □□p □ng y□u c□u c□a ng□□i s□ d□ng, trong □ú cú ch□ng ch□ 5 k□ n□ng m□m, k□ n□ng giao ti□p b□ng C□ng ngh□ th□ng tin v□ chu□n ngo□i ng□ theo y□u c□u c□a t□ng ch□□ng tr□nh v□ b□c □□o t□o.

- Đại học

+ Tài năng: chuyên môn loại giỏi và xuất sắc, ngoại ngữ đạt trình độ C1 ĐHQGHN (ví dụ tiếng Anh tương đương 6.0 IELTS);

+ NVCL, chương trình tiên tiến (CTTT): ngoại ngữ đạt trình độ C1 ĐHQGHN (ví dụ tiếng Anh tương đương 6.0 IELTS);

+ Chất lượng cao: ngoại ngữ đạt trình độ B2 ĐHQGHN (ví dụ tiếng Anh tương đương 5.0 IELTS);

+ Hệ chuẩn: đạt Tiếng Anh trình độ B1 ĐHQGHN (tương đương 4.0 IELTS).

- Sau đại học

+ NVCL và Tiến sĩ liên kết quốc tế do ĐHQGHN cấp bằng: ngoại ngữ đạt trình độ C1 ĐHQGHN (ví dụ đối với tiếng Anh: tương đương 6,0 IELTS, hoặc 550 TOEFL);

+ Hệ chuẩn Thạc sĩ: ngoại ngữ đạt trình độ B1 ĐHQGHN (ví dụ đối với tiếng Anh: tương đương 4,5 IELTS, hoặc 477 TOEFL);

+ Hệ chuẩn Tiến sĩ và Thạc sĩ liên kết quốc tế do ĐHQGHN cấp bằng: ngoại ngữ đạt trình độ B2 ĐHQGHN (ví dụ đối với tiếng Anh: tương đương 5,0 IELTS, hoặc 500 TOEFL);

+ Thạc sĩ, tiến sĩ liên kết quốc tế do ĐHQGHN và đơn vị đối tác cùng cấp bằng hoặc do đối tác cấp bằng: chuẩn ngoại ngữ đầu ra được thực hiện theo văn bản thỏa thuận hợp tác nhưng không được thấp hơn chuẩn ngoại ngữ đầu ra của chương trình đào tạo chuẩn Đại học Quốc gia Hà Nội ở trình độ tương ứng;

ii) **100%** sinh viên có kết quả rèn luyện đạt từ khá trở lên.

iii) **80%** sinh viên có việc làm sau 1 năm tốt nghiệp trong đó có **60%** sinh viên có việc làm ứng dụng nghề nghiệp. **25%** sinh viên tốt nghiệp tiếp tục học tập lên bậc học cao hơn.

iv) **100%** học sinh tốt nghiệp THPT vào thi đỗ đại học.

v) Có ít nhất **5** giải quốc tế và **3** giải chuyên cú Huy chương Vàng. Tổng **2%** giải quốc gia trong các kỳ thi học sinh giỏi so với năm học trước, trong đó ít nhất có **5** giải nhất.

vi) **50** học sinh khuyên chuyển ngành tốt Chuẩn tiếng Anh đầu ra B2.

3.1.2. *Đảm bảo qui mô, cơ cấu hợp lý và ổn định về cơ cấu học, loại hình đào tạo*

i) Kế hoạch tuyển sinh năm học 2012-2013

- Đại học (sinh viên)

Chính quy **5.650**

Vừa học, vừa làm; v_àn b_àng **2.600**

2

- Sau đại học

Th_àc s_à (h_àc vi_àn) **4.200**

Ti_àn s_à (NCS) **350**

- THPT chuyên (h_àc sinh) **830**

- Sinh viên, HVCH, NCS qu_àc t_à **3% t_àng qui m_àu t_ào ch_ành qui**
(1/3 t_àng c_àp b_àng c_àa
t_àng HQGHN)

ii) M_à v_à t_à ch_àc tri_àn khai t_ào t_ào th_àm **1-2** ng_ành v_à **3** chuy_àn ng_ành t_àt chu_àn qu_àc t_à.

iii) Phát triển thêm **1-2** chương trình đào tạo chất lượng cao từ các chương trình đào tạo chuẩn hiện có; nâng qui mô đào tạo chuẩn quốc tế, tài năng, chất lượng cao lên **16%** tổng qui mô đào tạo chính qui.

iv) Gi_à n_à t_ành qui m_àu t_ào t_ào h_àc ch_ành qui c_àc ng_ành hi_àn cú; tr_àn c_à s_à t_àm b_ào ch_àt l_àng, t_àng qui m_àu t_ào t_ào h_àc ch_ành qui nh_àng ng_ành m_ài, t_àc t_ào, cú t_ànhi_àn ng_ành cao v_à cú nhu_à c_àu x_à h_ài; gi_àm qui m_àu t_ào t_ào c_àc ng_ành cú nhu_à c_àu x_à h_ài th_àp v_à t_ào t_ào kh_àng ch_ành qui t_ài thi_àu **10%** so v_ài n_àm h_àc tr_àc; t_àng t_à l_à qui m_àu t_ào t_ào sau t_ài thi_àu t_àt **30%** t_àng quy m_àu t_ào ch_ành qui.

v) Sinh viên qu_àc t_à chi_àm t_ài thi_àu **3%** t_àng qui m_àu t_ào.

vi) T_à l_à sinh viên ch_ành qui/gi_àng viên l_à **15**.

3.1.3. Ph_àt tri_àn, t_ài m_ài ch_àng tr_àn v_à qu_àn lý t_ào

i) **100%** ch_àng tr_àn t_ào cú t_àc c_àng m_àn h_àc.

ii) **2** ch_àng tr_àn t_ào t_ào t_ào, **5** chuy_àn ng_ành S_àH m_ài, cú t_ànhi_àn ng_ành, cú nhu_à c_àu x_à h_ài cao t_àc x_ày d_àng theo chu_àn t_ào ra ph_à h_àp v_ài li_àn th_àng, li_àn k_àt t_ào t_ào theo t_àn ch_à t_àng y_àu c_àu t_ào theo h_àng ph_àt tri_àn ph_àm ch_àt, t_àm nh_àn, n_àng l_àc v_à k_à n_àng, trong t_àu t_àng d_àng ph_àng ph_àp CDIO v_à t_àc h_àp v_ài ph_àt tri_àn k_à n_àng m_àm trong gi_àng d_ày chuy_àn m_àn.

iii) Cú ng_àn h_àng c_àu h_ài c_àc m_àn h_àc theo ph_àng ph_àp ki_àm tra, t_àng gi_à kh_àng quan cho **50% c_àc m_àn h_àc** thu_àc kh_ài ki_àn th_àc chung t_àn t_àng HQGHN.

3.2. Khoa học và công nghệ

3.2.1. Cung trình khoa học, tập chí khoa học

i) **Cung b 200** cung trình khoa học trong h thng t p chí quc t ISI v SCOPUS.

ii) **4** sách chuyên khảo/trường đại học, **2** sách chuyên khảo/viện nghiên cứu, khoa trực thuộc và các đơn vị đào tạo còn lại, trong ú cú ít nh t **2** sách vi t (h c d ch) b ng ti ng Anh xu t b n n c ngo i.

iii) **2** òn ph t ri n **2** chuyên san thu c T p chí Khoa h c c a H QGHN ò t ò ng c p qu c t ò ò c x y d ò ng cú H i ò ng qu c t (cú s tham gia c a c c chuyên gia qu c t) th m ò nh v tr ò nh Gi ò m ò c ph ò duy t.

3.2.2. Ph t minh sống ch v gi i th ò ng KH&CN

i) Có ít nhất **3** hồ sơ đăng ký bằng sở hữu trí tuệ, trong đó có **2** hồ sơ được chấp nhận.

ii) **1** bằng sở hữu trí tuệ hoặc sản phẩm KH&CN quốc gia được thừa nhận đưa vào sử dụng.

iii) **10** gi i th ò ng v KH&CN (qu c gia, qu c t v c c p kh c); **4** bảo c ò th ò ng n ò n Vi t Nam 2013 v Kinh t, V n hóa x h i, Gi ò d c ò i h c v Gi i.

3.2.3. Kinh phí cho ho t ò ng KH&CN

i) **Kinh phí hoạt ñng KH&CN ñóu th òu từ các nhiệm vụ cấp Nhà nước và hợp tác qu c t ò ng 25%.**

ii) **T ñng thu từ hoạt ñng dịch vụ, chuyên giao KH&CN ò n 10%/t ò ng thu ngo i ng òn s ò ch Nh n c c p.**

3.2.4. C ò ch ò ng tr ò nh/ ò t i, d ò ò n KH&CN

i) Có **2** chương trình/ ðề tài, dự án KHCN có tính liên ngành, liên lĩnh vực được xây dựng hoặc triển khai thực hiện.

ii) Triển khai tối thiểu **35** ðề tài NCKH cấp ĐHQGHN ñối với các ðề án thành phần (ĐATP) ñang triển khai thuộc NVCL.

iii) Triển khai ít nhất **10** dự án hợp tác với doanh nghiệp, các tập ðoàn kinh tế lớn, với ñịa phương, các bộ/ngành và với ĐHQGTPHCM thuộc các lĩnh vực NCKH&CN, hợp tác ñào tạo, chuyên giao công nghệ trên cơ sở các biên bản ghi nhớ được ký kết.

3.2.5. X y d ò ng v ph t ri n c ò nh ò m nghiên c ò u

Phốt tri 15 nhóm nghiên cứu mạnh, trong đó có 2 nhóm nghiên cứu xuất sắc nhất trong các quốc gia trên thế giới về công nghệ thông tin ra sản phẩm KH&CN và báo cáo công nghệ, hoặc tài trợ nhóm A.

3.2.6. Các dự án ưu tiên chi đầu tư, tăng cường năng lực

i) Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ, chất lượng, hiệu quả của các dự án đầu tư chiều sâu, tăng cường năng lực hiện có.

ii) Khởi động thêm 3 dự án đầu tư xây dựng cơ bản mới trong số các dự án dự kiến: Dự án Tăng cường năng lực đào tạo, nghiên cứu khoa học công nghệ tính toán và thực nghiệm phục vụ phát triển bền vững kinh tế - xã hội, phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu; Phát triển tủ sách khoa học chất lượng cao phục vụ đào tạo và nghiên cứu của ĐHQGHN; Tăng cường năng lực nghiên cứu, đào tạo công nghệ tích hợp giám sát hiện trường tai biến phục vụ ra quyết định nhanh và chính xác.

iii) Ngoài ra còn xây dựng, hoàn thiện các Dự án khác như: Dự án JICA; Chương trình KHCN phục vụ phát triển bền vững Tây Bắc...

iv) Tiếp tục phát triển các phòng thí nghiệm mũi nhọn và trọng điểm của ĐHQGHN.

3.2.7. Công bố, giảng dạy và tham gia NCKH

i) 100% giảng viên là tiến sĩ trở lên và tối thiểu 75% giảng viên là thạc sĩ công bố ít nhất 01 bài báo khoa học trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc tại các hội nghị khoa học trong và ngoài nước.

ii) Trên 85% giảng viên chủ trì hoặc tham gia các đề tài KH&CN các cấp, trong đó 100% cán bộ có trình độ TS, TSKH chủ trì hoặc tham gia thực hiện đề tài/đề án NCKH các cấp.

3.3. Tổ chức, cán bộ

3.3.1. Hoàn thiện mục hình thành và phát triển, phân bổ và theo dõi khu vực và quốc tế

i) Mục hình PTN phải thu hút được xây dựng và triển khai. Tăng cường năng lực cao hiệu quả liên kết hợp tác giữa Trường - Viện - Trung tâm nghiên cứu và Doanh nghiệp, các biệt lập giữa các đơn vị trong ĐHQGHN; Chỉ đạo chặt chẽ công tác giảng dạy, nghiên cứu và công bố các công trình nghiên cứu công nghệ thông tin/nghiên cứu khoa học/dịch vụ và các mục 6/3/1.

ii) Các Trung tâm phải có tài chính rõ ràng. Thành lập 01 trường đại học (Trường Đại học Quốc tế) và 01 Viện nghiên cứu (Viện nghiên cứu Trường Nguyễn Huệ); nâng cấp và mở rộng 01 Viện nghiên cứu (Viện Công nghệ thông tin và Truyền thông Viện Khoa học Công nghệ tính toán và Thông tin);

nông công 01 trung tâm nghiên cứu thực tiễn nghiên cứu (Viện nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường); thành lập mới 1-2 doanh nghiệp.

iii) Chuyển đổi cơ cấu tổ chức và hoạt động của 01 viện nghiên cứu theo Nghị định 115/2005/NĐ-CP.

3.3.2. Phát triển, mở rộng, bồi dưỡng cán bộ

i) Đội ngũ CBVC cơ hữu đạt **2.500/3.400** tổng số CBVC, trong đó có **2.000** CBKH; tỷ lệ cán bộ khoa học có trình độ tiến sĩ trở lên đạt tối thiểu **44%** (riêng đối với lĩnh vực khoa học tự nhiên, công nghệ và kinh tế đạt **60%**; tỷ lệ cán bộ khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư chiếm **18%**; tỷ lệ giảng viên giảng dạy chuyên môn bằng tiếng Anh, CBQL có thể giao tiếp trong công việc đạt **20%**.

ii) **170** lượt giảng viên và các nhà khoa học nước ngoài đến giảng dạy và nghiên cứu tại ĐHQGHN (đạt tỷ lệ khoảng **8,6%** tổng số giảng viên cơ hữu của ĐHQGHN) và **250** lượt giảng viên và các nhà khoa học ĐHQGHN thỉnh giảng và nghiên cứu tại các trường đại học và cơ sở nghiên cứu ở các nước tiên tiến. Trong đó: **50** lượt giảng viên thuộc các đề án thành phần NVCL được đi trao đổi nước ngoài để chuyển giao công nghệ giảng dạy môn học hoặc tăng cường năng lực NCKH&CN; **80** lượt giảng viên được nâng cao trình độ tiếng Anh đủ điều kiện giảng dạy chuyên môn bằng tiếng Anh; **50** lượt cán bộ quản lý được đào tạo, bồi dưỡng về quản trị đại học, **20** lượt cán bộ quản lý được bồi dưỡng tiếng Anh đảm bảo giao tiếp được trong công việc, **10** lượt giảng viên, cán bộ quản lý được đi trao đổi ở nước ngoài. **7%** số cán bộ đi thực tập, trao đổi ở nước ngoài do các tổ chức quốc tế tài trợ; thêm **40%** cán bộ quản lý được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ. Tỷ lệ cán bộ quản lý hành chính sử dụng tốt tiếng Anh trong công việc và giao tiếp đạt tối thiểu **15%**.

iii) Cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cao giải theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của ĐHQGHN.

3.4. Công tác chính trị tư tưởng, thi đua khen thưởng, học sinh-sinh viên

3.4.1. Cộng tác chính trị-tư tưởng và thi đua khen thưởng

i) **100%** cán bộ, sinh viên được phổ biến và quán triệt quyết tâm thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; chiến lược phát triển ĐHQGHN đến năm 2020, tầm nhìn 2030; kế hoạch 5 năm phát triển ĐHQGHN giai đoạn 2011-2015 và kế hoạch nhiệm vụ năm học 2012-2013 (bao gồm các nhiệm vụ về đào tạo, NCKH, chuyển giao tri thức và các nội dung liên quan khác). Đồng thuận cao với việc đổi mới và nâng cao tinh thần trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ được giao để nâng cao chất lượng, hiệu quả mọi hoạt động, tăng cường hiệu quả sử dụng nguồn lực chung của ĐHQGHN.

ii) Có môi trường làm việc thân thiện, thông tin lành mạnh, chính xác, khách quan, công bằng và dân chủ; nuôi dưỡng và thúc đẩy đổi mới, sáng tạo, liên thông liên kết, hợp tác nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động; phát triển tinh thần cộng đồng, giá trị cốt lõi (chất lượng cao - sáng tạo - tiên phong - tích hợp - trách nhiệm xã hội cao - phát triển bền vững) và thương hiệu ĐHQGHN.

iii) Hiệu quả phong trào thi đua yêu nước, công tác khen thưởng, công tác thông tin, truyền thông được nâng cao.

3.4.2. *Củng cố h□c sinh-sinh viên*

i) Thực hiện **100%** chế độ chính sách cho sinh viên theo các quy định hiện hành của Nhà nước và của ĐHQGHN.

ii) Nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác sinh viên trong đào tạo theo tín chỉ.

iii) Cơ sở dữ liệu về sinh viên tốt nghiệp dựa vào điều tra việc làm, thu nhập thực tế và các nguồn thông tin khác góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng.

iv) Đa dạng hóa và làm tốt công tác hỗ trợ sinh viên, đa dạng hóa các hình thức hỗ trợ, nâng cao khả năng có việc làm cho sinh viên sau tốt nghiệp.

v) Quản lý và sử dụng hiệu quả các học bổng ngoài ngân sách hiện có **5** tỷ đồng để nâng cao chất lượng đào tạo, khai thác thêm được ít nhất **2** loại học bổng mới. **1.500** lượt sinh viên ký hợp đồng vay vốn không lãi suất từ ngân hàng UOB để đóng học phí khoảng **1,5** tỷ đồng.

vi) **60** lượt sinh viên được tham gia chương trình trao đổi, thực tập và học tập tại các đại học có uy tín hàng đầu trong đó có các đại học thuộc mạng lưới các đại học ASEAN, ASAIHL, SATU, UMAP...

vii) Kết nạp thêm **165** đảng viên mới trong đó **70%** là sinh viên.

3.5. Hợp tác phát triển

i) **03** dự án và đề tài hợp tác quốc tế mới cấp ĐHQGHN và tối thiểu **20** dự án cấp đơn vị (trường ĐHGĐ: **7**, trường ĐHCN: **5**, trường ĐHKHTN: **3-5**, trường ĐHKT: **3**, trường ĐHKHXH&NV: **3**).

ii) Xây dựng và triển khai ít nhất **10** đề tài, dự án hợp tác với doanh nghiệp, địa phương cấp ĐHQGHN, **20** dự án cấp đơn vị.

iii) Nâng cao hiệu quả các chuyến đi công tác, học tập nước ngoài của cán bộ, sinh viên.

iv) Tăng nguồn thu từ hợp tác quốc tế lên **4%**.

3.6. □□m b□o ch□t l□□ng và ph□t tri□n v□n h□a ch□t l□□ng

3.6.1. Cơ sở dữ liệu, công bố nghiên cứu và công bố kết quả nghiên cứu
phát triển và hóa chất lỏng

Có cơ sở dữ liệu về đảm bảo chất lượng và văn hóa chất lượng theo chuẩn xếp hạng các trường đại học và các lĩnh vực khoa học của ĐHQGHN theo hệ thống của QS, THES và chuẩn Dspace để nâng thứ hạng của ĐHQGHN trên các bảng xếp hạng đại học thế giới được áp dụng hiệu quả; 5 văn bản quản lý trong lĩnh vực ĐBCL được ban hành.

3.6.2. Công tác công bố và kiểm soát chất lượng

i) Hệ thống ĐBCL được củng cố và hoàn thiện. Tăng cường năng lực cho cán bộ làm công tác ĐBCL.

ii) Ba công khai: 100% các trường thành viên trong ĐHQGHN thực hiện ba công khai và cung cấp dữ liệu đầy đủ cho Bộ GD&ĐT và ĐHQGHN.

iii) Kiểm định chất lượng: 4 chương trình đào tạo được KĐCL theo tiêu chuẩn kiểm định của AUN; 3 chương trình đào tạo cử nhân chất lượng cao và tiên tiến được KĐCL theo tiêu chuẩn kiểm định của ĐHQGHN; KĐCL đơn vị đào tạo theo tiêu chuẩn kiểm định của ĐHQGHN: 3 đơn vị đào tạo; 3 đơn vị đã kiểm định năm 2008 tiến hành tự đánh giá và triển khai đánh giá ngoài theo tiêu chuẩn của ĐHQGHN; 5 trường thành viên hoàn thiện tự đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ GD&ĐT. Kiểm định chất lượng hoạt động của Trung tâm Thông tin thư viện.

iv) Chất lượng các chương trình đào tạo đã được kiểm định theo tiêu chuẩn AUN tiếp tục được duy trì và nâng cao.

3.6.3. Ảnh hưởng xã hội và môi trường

i) 100% các môn học được lấy ý kiến phản hồi từ người học.

ii) 100% giảng viên thực hiện công tác tự đánh giá hoạt động giảng dạy.

iii) 100% hiệu trưởng trường đại học thành viên và chủ nhiệm khoa trực thuộc được đánh giá kết quả lãnh đạo, quản lý.

iv) 100% các hoạt động phục vụ của thư viện được thí điểm đánh giá chất lượng làm tiền đề triển khai đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ đào tạo trong ĐHQGHN.

v) Hiệu quả hoạt động KHCN được đánh giá theo tiêu chí đại học nghiên cứu.

vi) Xây dựng được mạng lưới 50 nhà tuyển dụng chiến lược, có ý kiến phản hồi về chất lượng đào tạo theo chuẩn xếp hạng các trường đại học.

vii) Xếp hạng đại học: 100% các đơn vị cung cấp số liệu kịp thời và cập nhật chính xác cho Viện Đảm bảo chất lượng giáo dục để Viện tổng hợp và gửi tổ chức xếp hạng QS; 100% các đơn vị phát triển tài nguyên số trên trang web của đơn vị theo các tiêu chí xếp hạng của Webometrics.

viii) Thẩm định chương trình liên kết: **100%** các đối tác nước ngoài trong các chương trình liên kết đào tạo quốc tế đang triển khai tại các đơn vị thuộc ĐHQGHN được thẩm định về thứ hạng và tình trạng KĐCL.

3.7. Xây dựng cơ sở vật chất, học liệu

3.7.1. Xây dựng cơ sở vật chất

i) Triển khai tiếp nhận, quản lý, vận hành, khai thác có hiệu quả công trình nhà công vụ số 1 và một số công trình thuộc khu ký túc xá số 4 do Bộ Xây dựng bàn giao.

ii) Tiến độ xây dựng ĐHQGHN tại Hòa Lạc được đẩy nhanh (phối hợp với Bộ xây dựng), đặc biệt là đưa một số dự án ưu tiên đầu tư của ĐHQGHN vào các dự án thành phần được triển khai trong giai đoạn đầu.

iii) Hoàn thiện thủ tục trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án “Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở cán bộ, giảng viên ĐHQGHN tại Hòa Lạc”.

iv) Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất tại các quận nội thành:

- Mở rộng, nâng cấp, bổ sung thêm **18.252 m²** diện tích sàn xây dựng giảng đường, phòng thí nghiệm mũi nhọn và trọng điểm, phòng làm việc;

- Phương án, đồ án sắp xếp, điều chỉnh, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, bổ sung cơ sở vật chất ở các quận nội thành Hà Nội và tiếp nhận, sử dụng các công trình ở Hòa Lạc nhằm nâng cao hiệu quả phục vụ tốt nhất cho mọi hoạt động của ĐHQGHN cũng như của các đơn vị được triển khai hiệu quả.

3.7.2. Công tác học liệu

i) Đảm bảo đủ Bộ giáo trình cho mỗi môn học, tài liệu tham khảo ở dạng in, số hóa đạt chuẩn quốc tế.

ii) Xây dựng mới tối thiểu **70** giáo trình và **10** bài giảng điện tử mức 3; **40** bài giảng điện tử mức 1 và 2.

iii) Đảm bảo bổ sung **37.000** cuốn giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ đào tạo tín chỉ và chương trình đào tạo thuộc NVCL.

3.8. Kế hoạch - tài chính

3.8.1. Công tác kế hoạch

Hệ thống kế hoạch (nhiệm vụ năm học; dự toán ngân sách bao gồm chi thường xuyên, các chương trình, dự án đầu tư; đào tạo bồi dưỡng cán bộ...) được xây dựng đồng bộ, khả thi và triển khai đúng tiến độ, hiệu quả.

3.8.2. Công tác tài chính

i) Kinh phí thường xuyên và các dự án đầu tư được sử dụng đúng quy định của luật ngân sách, hợp lý, hiệu quả và giải ngân, thanh quyết toán đúng hạn.

ii) Tăng nguồn thu sự nghiệp đạt tỷ lệ **65%** so với tổng kinh phí hoạt động thường xuyên từ hoạt động NCKH, chuyển giao công nghệ, dịch vụ và liên kết đào tạo quốc tế và các nguồn thu hợp pháp khác. Nâng cao thu nhập cho cán bộ, viên chức tăng **10%** so với năm học 2011-2012.

iii) Phát triển và sử dụng hiệu quả Quỹ Phát triển ĐHQGHN, Quỹ KHCN, Quỹ hợp tác quốc tế, Quỹ học bổng và các quỹ khác.

iv) Cấp **10** học bổng hỗ trợ cho sinh viên nước ngoài đến học tập chuyên môn làm tăng chỉ số quốc tế hóa của ĐHQGHN.

3.9. Đổi mới quản trị đại học, phát triển ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông và cải cách hành chính

3.9.1. Quản lý theo sản phẩm đầu ra, hệ thống quản lý chất lượng theo ISO được áp dụng trong toàn ĐHQGHN để nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động.

i) Quản lý theo sản phẩm đầu ra, hệ thống quản lý chất lượng theo ISO được áp dụng trong toàn ĐHQGHN để nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động.

ii) Quyền tự chủ, chịu trách nhiệm xã hội cao được áp dụng phù hợp với năng lực quản lý và hiệu quả hoạt động của từng đơn vị, đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành của ĐHQGHN và liên thông, liên kết hợp tác toàn diện giữa các đơn vị.

iii) Đảm bảo đúng hạn và đạt chất lượng các báo cáo, thống kê định kỳ và đột xuất cho các cơ quan quản lý cấp trên, trong đó:

- Nộp trước 31/3/2012 báo cáo quyết toán tài chính năm 2012;

- Nộp trước 20/5/2013: dự kiến kết quả thực hiện KHNV năm học 2012-2013, dự thảo nhiệm vụ trọng tâm và các chỉ tiêu kế hoạch KHNV năm học 2013-2014;

- Nộp trước 15/6/2012: dự thảo báo cáo tổng kết năm học 2012-2013, kế hoạch dự toán ngân sách năm 2014, các đề án mở ngành đào tạo năm học 2014-2015, các Dự án tăng cường năng lực và các Dự án đầu tư phát triển.

3.9.2. Phổ biến ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông

i) Triển khai hiệu quả công nghệ thông tin điện tử của ĐHQGHN với các sản phẩm chính:

+ Cơ sở dữ liệu tích hợp cán bộ, sinh viên được cập nhật thường xuyên; cơ sở dữ liệu học viên cao học và nghiên cứu sinh được đưa vào sử dụng, các sản phẩm trí tuệ của từng năm được cập nhật và thống kê đầy đủ;

+ Cơ sở dữ liệu Nhiệm vụ chiến lược được xây dựng đáp ứng đầy đủ các nội dung trong qui định xây dựng và phát triển một số ngành/chuyên ngành đạt chuẩn quốc tế;

+ Công nghệ thông tin người học đáp ứng yêu cầu quản lý và tổ chức đào tạo theo tín chỉ cả bậc đại học và sau đại học;

+ Cổng thông tin triển khai và vận hành tốt giao dịch qua mạng tất cả các thủ tục hành chính của ĐHQGHN;

+ Phần mềm quản lý hành chính (Net-office) sử dụng thống nhất và đồng bộ trong toàn ĐHQGHN

+ Website (tiếng Việt và tiếng Anh) của ĐHQGHN và các đơn vị đào tạo, nghiên cứu khoa học và công nghệ được nâng cấp và phát triển phù hợp với kiến trúc cổng thông tin điện tử và chuẩn xếp hạng đại học, vận hành ổn định; Chỉ số nhận diện và mức độ liên kết của website ĐHQGHN đến các website của các đơn vị đối tác tăng 20%.

ii) Phát triển tài nguyên số, đặc biệt là e-book và các thư tịch khoa học; triển khai các dự án thuộc Đề án “Đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về CNTT”. Tăng chỉ số phong phú và chỉ số thư tịch khoa học của các website theo chuẩn webometrics lên 20%; Tài nguyên số được xếp hạng trong nhóm 100 đại học tiên tiến châu Á.

iii) Cơ chế, hệ thống tổ chức quản lý cổng thông tin điện tử được áp dụng hiệu quả; cơ sở hạ tầng CNTT-TT với các thiết bị liên quan và các dịch vụ mạng hoạt động ổn định và an toàn 24/7.

3.9.3. *Cơ chế h*

i) 100% các đơn vị ban hành và áp dụng quy trình ISO; 100% các đơn vị đơn giản hóa và công khai các thủ tục giải quyết công việc hành chính.

ii) 100% các đơn vị thực hiện đúng quy định về cung cấp thông tin, báo cáo cho các cơ quan quản lý cấp trên, về công tác văn thư, lưu trữ của Nhà nước và của ĐHQGHN.

3.10. Thanh tra

i) 100% các đơn vị có tổ chức thanh tra theo đúng quy định của ĐHQGHN.

ii) 100% tổ chức thanh tra các đơn vị xây dựng và hoàn thành chương trình, kế hoạch thanh tra năm học 2012-2013 gắn với nhiệm vụ trọng tâm của đơn vị và của thanh tra ĐHQGHN.

iii) 100% cán bộ làm công tác thanh tra trong ĐHQGHN được tập huấn, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và cập nhật những thông tin mới liên quan đến công tác thanh tra.

iv) 100% đơn thư khiếu nại, tố cáo được giải quyết nhanh gọn theo đúng quy định của Nhà nước và của ĐHQGHN.

v) 100% thanh tra các đơn vị có báo cáo giám sát tình hình thực hiện KHNV theo học kỳ và theo năm học.

vi) 100% tổ chức thanh tra xây dựng được hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin phục vụ công tác thanh tra và quản lý nói chung.

vii) 100% thanh tra các đơn vị thực hiện có chất lượng và hiệu quả cao việc thanh tra, kiểm tra thường xuyên và đột xuất, trong đó tập trung vào các chuyên đề: NVCL; đổi mới quản trị đại học; tiết kiệm, chống lãng phí; giải ngân; thực hiện quy chế đào tạo.

IV. CÁC GIẢI PHÁP CHUNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

4.1. Tiến hành sâu rộng các giải pháp chính trị tư tưởng, đẩy mạnh liên thông, liên kết hợp tác toàn diện giữa các đơn vị và cá nhân. Phát huy tinh thần cộng đồng, thương hiệu, văn hóa chất lượng, các giá trị cốt lõi của ĐHQGHN và của các đơn vị

i) Xây dựng, chỉ đạo thực hiện cơ chế và các giải pháp để đoàn kết, tạo sự đồng thuận, tạo môi trường lành mạnh, tinh thần cộng đồng và thương hiệu ĐHQGHN, liên thông, liên kết hợp tác và chia sẻ, nuôi dưỡng và thúc đẩy sự năng động, sáng tạo và đổi mới, phối hợp chặt chẽ của chính quyền, đoàn thể, cán bộ, sinh viên trong mọi hoạt động.

ii) Đánh giá hiệu quả phong trào thi đua yêu nước, công tác khen thưởng dựa vào cách tiếp cận theo chất lượng, số lượng sản phẩm hoạt động và chế tài phù hợp.

iii) Đẩy mạnh chất lượng hoạt động của các phương tiện thông tin - truyền thông.

4.2. Đổi mới toàn diện quản trị đại học để nâng cao chất lượng, hiệu quả mọi hoạt động (giải pháp đột phá)

i) Hoàn thiện cơ cấu tổ chức của đại học đa ngành, đa lĩnh vực; thúc đẩy liên thông liên kết, hợp tác toàn diện giữa các đơn vị để tạo thêm các giá trị gia tăng.

ii) Tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý của ĐHQGHN tương đương đơn vị sự nghiệp thuộc Chính phủ, phát huy quyền tự chủ, chịu trách nhiệm xã hội cao của ĐHQGHN và từng đơn vị trên cơ sở đổi mới quy chế quản lý điều hành để tạo thuận lợi cho các đơn vị và cá nhân, phát huy sự năng động, sáng tạo, nâng cao tinh thần trách nhiệm, tính chuyên nghiệp, dám nghĩ, dám làm để huy động các nguồn lực trong và ngoài ĐHQGHN hoàn thành nhiệm vụ được giao

iii) Áp dụng phương pháp quản trị đại học tiên tiến theo tinh thần quản trị doanh nghiệp với tiếp cận theo chất lượng, số lượng và hiệu quả sản phẩm đầu ra.

iv) Đẩy mạnh công tác kiểm định chất lượng, kiểm tra, kiểm toán nội bộ và thanh tra, giám sát, đánh giá.

4.3. Tập trung chỉ đạo, nâng cao chất lượng, hiệu quả triển khai các hoạt động lớn do Đảng và Nhà nước giao, các hoạt động trọng tâm, liên ngành, phối hợp nhiều đơn vị

i) Chỉ đạo quyết liệt các đơn vị trong triển khai các hoạt động lớn do Đảng và Nhà nước giao thông qua xây dựng và thực hiện các đề án cụ thể.

ii) Xây dựng các chương trình hợp tác với các đối tác, các địa phương (Thành phố Hà Nội, Hà Giang, Quảng Ninh, Tây Bắc,...).

iii) Xây dựng cơ chế huy động các nguồn lực theo hướng dựa trên thế mạnh của các đơn vị trong ĐHQGHN để thực hiện hiệu quả các hoạt động lớn, liên ngành phối hợp nhiều đơn vị.

iv) Chỉ đạo quyết liệt triển khai các nhiệm vụ trọng tâm theo kiểu dự án, tăng cường kiểm tra giám sát, đánh giá công bằng khách quan theo sản phẩm đầu ra để động viên khuyến khích cũng như là xử lý những trường hợp không thực hiện được kế hoạch nhiệm vụ được giao.

- Phát triển đội ngũ cán bộ giảng dạy, nghiên cứu và quản lý từng bước đạt chuẩn khu vực và quốc tế (giải pháp đột phá) (Xem phụ lục, mục 3);

- Phát triển đa dạng, sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính để xây dựng và phát triển Đại học Quốc gia Hà Nội đạt chuẩn quốc tế (giải pháp đột phá) (Xem phụ lục, mục 4);

- Hiện đại hóa cơ sở vật chất, hệ thống học liệu đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và công nghệ, dịch vụ chất lượng cao (Xem phụ lục, mục 5);

- Phát triển và nâng cao hiệu quả hợp tác trong nước và quốc tế để thu hút thêm các nguồn lực, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, nghiên cứu khoa học và công nghệ đáp ứng ngày càng cao yêu cầu xã hội (Xem phụ lục, mục 6);

- Phát triển từng ngành, nhóm ngành, chuyên ngành, bộ môn, khoa đạt chuẩn quốc tế thông qua việc thực hiện Nhiệm vụ chiến lược theo kiểu dự án (giải pháp đột phá) (Xem phụ lục, mục 7);

- Tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác kiểm định chất lượng, văn hóa công sở, tự kiểm tra, kiểm toán nội bộ và thanh tra, giám sát, đánh giá từ bên ngoài (Xem phụ lục, mục 8);

- Nâng cao năng lực và chất lượng công tác thanh tra, giám sát (Xem phụ lục, mục 9).

4.4. Tranh thủ sự chỉ đạo quan tâm, hỗ trợ của Đảng, Nhà nước, các bộ ban ngành, địa phương, cơ quan, doanh nghiệp, các trường đại học, các nhà khoa học, quản lý, lãnh đạo trong và ngoài nước, coi đây là nguồn lực đặc biệt quan trọng để xây dựng phát triển ĐHQGHN.

4.5. Nâng cao hiệu quả vai trò lãnh đạo của Đảng, phát huy quyền làm chủ, năng động sáng tạo của các tổ chức quần chúng, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và Công đoàn, chung sức chung lòng xây dựng phát triển ĐHQGHN đáp ứng kỳ vọng của nhân dân cả nước, cũng như sự chỉ đạo của Đảng, Nhà nước.

V. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Để thực hiện thành công KHNV năm học và tiếp tục phát triển, hoàn thiện mô hình của đại học đa ngành, đa lĩnh vực, tự chủ và tự chịu trách nhiệm cao theo hướng quản trị đại học tiên tiến, nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu sớm đạt chuẩn quốc tế, ĐHQGHN có một số kiến nghị sau:

5.1. Đối với Chính phủ

5.1.2. Sớm ban hành Nghị định mới về ĐHQGHN trong đó khẳng định rõ vị trí pháp lý của ĐHQGHN là cơ quan sự nghiệp thuộc Chính phủ; mở rộng, tăng thêm quyền tự chủ, chịu trách nhiệm cao với xã hội về tổ chức, bộ máy, về cán bộ và tài chính để thực hiện được chức năng đào tạo chất lượng cao, trình độ cao, NCKH, xây dựng và phát triển ĐHQGHN nhanh chóng đạt chuẩn quốc tế, đáp ứng cao yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh toàn cầu hóa.

5.1.4. Tăng cường chỉ đạo các Bộ, Ban ngành liên quan và tạo cơ chế đặc thù để có thể đẩy nhanh tiến độ Dự án xây dựng ĐHQGHN tại Hòa Lạc.

5.2. Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo

5.2.1. Có cơ chế phối hợp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với ĐHQGHN, đảm bảo được quyền tự chủ, chịu trách nhiệm xã hội cao của ĐHQGHN và cơ chế quản lý tương đương đơn vị sự nghiệp thuộc Chính Phủ.

5.2.2. Do cơ chế đặc thù, hoạt động của ĐHQG không đánh giá chung với các đại học vùng và các trường đại học khác mà được tiến hành riêng cho ĐHQG theo các ý kiến chỉ đạo của Đảng và Chính phủ như Thông báo số 315-TB/TW ngày 29/8/2000 của Thường vụ Bộ Chính trị về chủ trương tổ chức lại hai ĐHQG và công tác quản lý cán bộ phù hợp với Quyết định 67/TW ngày 10/7/2007 của BCHTW Đảng khóa X, theo một kế hoạch cụ thể, công khai, khả thi, đảm bảo dân chủ, khách quan, chính xác, đầy đủ và toàn diện. ĐHQGHN kính đề nghị được tham gia báo cáo trực tiếp tại các cuộc họp, hội nghị hội thảo... của Đảng, Chính phủ và tất cả các cấp, các ngành bàn về các nội dung liên quan đến hai ĐHQG, trong đó có đánh giá kết quả hoạt động, mô hình tổ chức, cơ chế quản lý.

5.2.3. ĐHQGHN sẵn sàng nhận các nhiệm vụ thí điểm đổi mới trong hoạt động giáo dục đại học của Bộ GD&ĐT.

5.2.4. Tích hợp đầy đủ thành tựu của ĐHQGHN vào thành tích của ngành GD&ĐT.

5.3. Đối với Bộ Kế hoạch và Đầu tư

5.3.1. Có cơ chế tháo gỡ những vướng mắc của Nghị quyết 11 của Chính phủ đối với các hoạt động đầu tư tại các đơn vị đào tạo; có các chính sách cụ thể để nâng

cấp, cải tạo, sửa chữa và phát triển cơ sở vật chất tại các quận nội thành Hà Nội, đảm bảo thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ trong thời gian chờ chuyển lên Hòa Lạc.

5.3.2. Ưu tiên đầu tư kinh phí hàng năm thông qua các Dự án đầu tư phát triển cho ĐHQGHN thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm xây dựng ĐHQGHN đạt chuẩn khu vực và quốc tế.

5.4. Đối với Bộ Tài chính

5.4.1. Cho phép ĐHQGHN được giao thí điểm tự chủ về nguồn lực tài chính theo phương thức “Nhà nước giao tổng nguồn lực tài chính và giám sát chất lượng, hiệu quả đầu ra”, trước mắt thực hiện Dự án “Đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công” đối với đào tạo các ngành khoa học cơ bản và sau đại học.

5.4.2. Ưu tiên tăng suất đầu tư kinh phí hàng năm cho ĐHQGHN thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm theo Kế hoạch chiến lược phát triển 5 năm giai đoạn 2011-2015, đặc biệt là xây dựng và phát triển một số ngành, chuyên ngành khoa học cơ bản, công nghệ cao, kinh tế - xã hội mũi nhọn sớm đạt chuẩn quốc tế, tiến tới xây dựng khoa, trường và đơn vị khác thuộc ĐHQGHN đạt chuẩn quốc tế.

5.4.3. Được thực hiện thí điểm cơ chế thu, chi tự chủ cao và ưu tiên đầu tư cấp kinh phí để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài, NCKH&CN đỉnh cao và thực hiện Đề án xây dựng và phát triển ĐHQGHN đạt chuẩn quốc tế, trong đó đặc biệt chú ý đến việc được cấp kinh phí đầy đủ đáp ứng yêu cầu đào tạo sau đại học chất lượng cao, nâng cao năng lực đào tạo và NCKH&CN đối với các ngành khoa học cơ bản, được sử dụng NSNN để thực hiện chính sách ưu đãi thu hút người giỏi về công tác tại ĐHQGHN, nâng cao chất lượng cuộc sống cán bộ thông qua việc cải thiện, nâng cấp điều kiện môi trường làm việc (ưu tiên điều kiện làm việc và nhà ở cho các nhà khoa học trẻ) và nâng cao thu nhập của cán bộ.

5.4.4. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư có cơ chế tháo gỡ những vướng mắc của Nghị quyết 11 của Chính phủ đối với các hoạt động đầu tư tại các đơn vị đào tạo; ưu tiên đầu tư nâng cấp, cải tạo, sửa chữa và phát triển cơ sở vật chất tại các quận nội thành Hà Nội, đảm bảo thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ trong thời gian chờ chuyển lên cơ sở mới tại Hòa Lạc.

5.5. Đối với Bộ Khoa học Công nghệ

5.5.1. Tạo điều kiện cho ĐHQGHN được tiếp tục nhận nhiệm vụ thực hiện thí điểm về quản lý hoạt động KHCN và nghiên cứu triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phù hợp với mô hình đại học nghiên cứu tiên tiến, trong đó có ngân sách chi thường xuyên và trả lương cho cán bộ nghiên cứu khối khoa học cơ bản, nghiên cứu chiến lược, chính sách phục vụ quản lý nhà nước trước khi nhân rộng mô hình.

5.5.2. Tiếp tục coi ĐHQGHN là đầu mối đề xuất và chủ trì thực hiện các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm, lớn, liên ngành, tầm cỡ quốc gia theo sự phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ để phát huy lợi thế đa ngành, đa lĩnh vực, liên thông liên kết, hợp tác toàn diện giữa các đơn vị về khoa học cơ bản, kinh tế - xã hội mũi nhọn, công nghệ cao...

5.5.3. Hỗ trợ ĐHQGHN trong các chương trình, dự án hợp tác với các địa phương (TP Hà Nội, Hà Giang, Quảng Ninh, Tây Bắc...); và các tập đoàn lớn (PVN, Viettel...).

5.6. Đối với Bộ Nội vụ

5.6.1. Phối hợp và hỗ trợ ĐHQG trong việc thúc đẩy ban hành Nghị định, Quy chế mới về ĐHQGHN.

5.6.2. Có cơ chế đặc thù cho ĐHQGHN (phù hợp với Quy chế mới) trong việc tuyển dụng, bồi dưỡng, đãi ngộ cán bộ bằng ngân sách Nhà nước và thu hút các nguồn lực về ĐHQGHN.

5.7. Đối với các Bộ, ngành địa phương và các đối tác liên quan

Hợp tác với ĐHQGHN trên nguyên tắc chia sẻ và khai thác lợi thế để tạo các nguồn lực cùng phát triển trên cơ sở xây dựng và triển khai các dự án, chương trình hợp tác cụ thể.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

6.1. Trách nhiệm ĐHQGHN, Văn phòng và các Ban chức năng

6.1.1. KHNV năm học 2012-2013 của ĐHQGHN được quán triệt tới tất cả các đơn vị, cán bộ, sinh viên ĐHQGHN.

6.1.2. Văn phòng và các ban chức năng, Viện ĐBCLGD có trách nhiệm cụ thể hóa KHNV năm học 2012-2013 của ĐHQGHN thành các chương trình, đề án, kế hoạch công tác cụ thể trong từng lĩnh vực được phân công theo chức năng, nhiệm vụ quản lý trước ngày 10/9/2012.

6.1.3. ĐHQGHN ban hành các chế tài cụ thể đối với việc thực hiện KHNV để khuyến khích các đơn vị thực hiện tốt KHNV; tăng cường hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá, xử lý kịp thời việc thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học.

6.2. Trách nhiệm của các đơn vị thành viên và trực thuộc

Căn cứ KHNV năm học 2012 - 2013 của ĐHQGHN và các nhiệm vụ cụ thể, thủ trưởng các đơn vị thành viên và trực thuộc xây dựng KHNV năm học của đơn vị có các chỉ tiêu và giải pháp cụ thể để đạt được chỉ tiêu chung của ĐHQGHN và báo cáo Giám đốc ĐHQGHN trước ngày 20/09/2012.

6.3. Tổ chức thực hiện

Lãnh đạo ĐHQGHN và thủ trưởng các đơn vị chỉ đạo quyết liệt, giám sát cụ thể để hoàn thành dứt điểm từng việc nhằm hoàn thành thắng lợi kế hoạch nhiệm vụ năm học. Trong quá trình thực hiện KHNV năm học, nếu có vấn đề phát sinh, các đơn vị cần báo cáo ĐHQGHN kịp thời để chỉ đạo và giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ; PTT N.T. Nhân;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ: GD&ĐT, KH&CN, KH&ĐT, TC, NV;
- Thường vụ Thành ủy Hà Nội;
- Thường vụ Đảng ủy ĐHQGHN;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc;
- Các đoàn thể;
- VP, Các ban chức năng;
- Các đơn vị thành viên và trực thuộc;
- Lưu: VT, M60.

GIÁM ĐỐC

GS. TS. Mai Trọng Nhuận